

Bản án số: 01/2020/HS-ST

Ngày: 06-01-2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thanh Vân.

2/ Bà Nguyễn Thị Kim Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Sơn Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đạt – Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 229/2019/TLST-HS ngày 10 tháng 12 năm 2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 243/2019/QĐXXST-HS, ngày 20/12/2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Đức A, sinh năm: 1987 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: (Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 354/5 Đường D, Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Không có nơi cư trú ổn định); nghề nghiệp: Chạy xe ôm; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức H © và bà Huỳnh Thị G; chung sống như vợ chồng với Nguyễn Thị Tuyết N (sinh năm: 1989) vào năm 2007 và có 01 người con (sinh năm 2008); tiền án: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 81/2015/HSST ngày 24/3/2015, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử tuyên phạt 05 (năm) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; sau đó bị cáo Nguyễn Đức A kháng cáo. Tại bản án hình sự phúc thẩm số 333/2015/HSPT ngày 03/8/2015, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đình chỉ xét xử đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức A và bản án hình sự sơ thẩm có hiệu lực pháp luật đối với bị cáo Thành (do bị cáo Nguyễn Đức A tự nguyện rút toàn bộ kháng cáo); chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/9/2018; tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/5/2019. (Có mặt).

2. Phạm Trần Phương O, sinh ngày 27/5/1994 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: (Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Không có; chỗ ở: Không có nơi cư trú ổn định); nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo:

Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn M và bà Trần Thị Kim H; chung sống như vợ chồng với Nguyễn Thanh Đ (sinh năm: 1989) vào năm 2012 và có 02 người con (sinh năm 2013 và sinh năm 2015); tiền án: Không; tiền sự: Tại Quyết định số 54/QĐ-CSCNBB-TA ngày 05/5/2017, Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 15 tháng, kể từ ngày 24/02/2017; nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 88/2019/HS-ST ngày 27/11/2019, Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”; bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/5/2019. (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1982; nơi cư trú: Số 68 đường L, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh - Là chủ hộ kinh doanh phòng cho thuê KN. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 04 giờ 45 phút, ngày 17/5/2019, Công an Phường B, Quận T kiểm tra hành chính phòng 102 của phòng cho thuê KN (số 36 đường L, Phường B, Quận T). Tại thời điểm kiểm tra, trong phòng có 04 người gồm: Nguyễn Đức A, Nguyễn Thanh Y, Nguyễn Thị Tuyết N và Phạm Trần Phương O. Qua kiểm tra phát hiện và thu giữ 01 bóp da màu đen trên đầu giường trong phòng (bên trong có 01 gói nylon chứa ma túy, O khai là ma túy tổng hợp của O để sử dụng), thu giữ trong rổ nhựa trên bàn trong phòng có 01 gói nylon chứa ma túy và 01 ống thủy tinh (A khai là ma túy của A để sử dụng), thu giữ của O 03 điện thoại di động gồm: 01 điện thoại hiệu Huawei, 01 điện thoại hiệu Samsung, 01 điện thoại Oppo; thu giữ của A 02 điện thoại di động gồm: 01 điện thoại hiệu Xiaomi và 01 điện thoại Nokia. Vụ việc được đưa về trụ sở Công an Phường B, Quận T lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, sau đó chuyển giao đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận T điều tra làm rõ.

Theo bản kết luận giám định số 1110/KLGD-H ngày 23/5/2019 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

- Gói 1: Tinh thể không màu trong 01 gói nylon được niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Phạm Trần Phương O và hình dấu Công an Phường B, Quận T (ký hiệu m1) là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 1,1772g (một phẩy một bảy bảy hai gam), loại Methamphetamine.

- Gói 2: Tinh thể không màu trong 01 gói nylon được niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Nguyễn Đức A và hình dấu Công an Phường B, Quận T (ký hiệu m2) là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 1,1404g (một phẩy một bốn không bốn gam), loại Methamphetamine.

Tại cơ quan điều tra Công an Quận T, Nguyễn Đức A, Phạm Trần Phương O, Nguyễn Thanh Y và Nguyễn Thị Tuyết N khai nhận: A, N, O, Y là bạn bè quen biết nhau ngoài xã hội; riêng A và N sống chung như vợ chồng không đăng ký kết hôn. Khoảng 14 giờ, ngày 16/5/2019, A, N, Y cùng đến thuê phòng 102 của phòng cho thuê KN (số 36 đường L, Phường B, Quận T) để nghỉ ngơi, đồng thời Y hướng dẫn cho N chương trình

cài đặt trên điện thoại di động về “Vay tiền trên mạng”, tiền trả phòng thuê sẽ do N trực tiếp thanh toán sau khi trả phòng. Khoảng 21 giờ cùng ngày 16/5/2019, A nhờ Y chở đến khu vực đường TTT thuộc Quận B, A kêu Y dừng xe để A đi uống cà phê với bạn, còn Y điều khiển xe về phòng 102. Sau đó, A đi bộ vào hẻm 188 đường Đ gặp và mua của một thanh niên (không rõ lai lịch) 01 gói ma túy tổng hợp với giá 500.000 đồng cất vào trong túi áo để sử dụng dần. Mua được ma túy, A điện thoại cho N đến chở A về phòng đã thuê trước đó, trên đường đi về thì A không nói gì cho N biết việc A vừa mua ma túy. Khi về đến phòng trọ, N đi ngủ, còn A lấy một ít ma túy trong gói ma túy vừa mua bỏ vào bình sử dụng ma túy và bắt đầu sử dụng ma túy. Trong lúc A đang sử dụng ma túy thì Y cũng tham gia sử dụng chung với A. Sau đó, A đem gói nylon chứa ma túy còn lại để vào cái xô nhựa trên bàn trong phòng cùng với ống thủy tinh dùng để sử dụng ma túy và ngồi chơi. Đến khoảng 03 giờ 30 phút cùng ngày, O mang theo 01 bóp da màu đen bên trong có 01 gói nylon chứa ma túy tổng hợp đến phòng 102 gặp Y, A và N. O để bóp da chứa ma túy trên đầu giường trong phòng. Đến khoảng 04 giờ 45 phút ngày 17/5/2019, Công an Phường B, Quận T kiểm tra hành chính phát hiện và thu giữ ma túy như trên.

N không biết A mua ma túy để sử dụng và không có tham gia sử dụng ma túy chung với A. Y không có liên quan đến việc A mua ma túy sử dụng (khi được A nhờ chở đi qua Quận B) và cũng không có hùn tiền mua ma túy sử dụng chung với A; nhưng có hành vi sử dụng ma túy. O khai gói ma túy tổng hợp để trong bóp da của O là của một người bạn tên L (không rõ lai lịch) cho O để O sử dụng cho bản thân, nhưng O cất giữ và chưa sử dụng thì bị bắt. Lời khai của A, O, Y và N phù hợp với nhau.

Qua kiểm tra, test ma túy thì N, Y, A, O đều có kết quả dương tính với chất ma túy.

Về vật chứng thu giữ:

- 01 (một) gói niêm phong bên ngoài ghi kí hiệu 1110/19-Q8 (gói 2), chữ ký ghi tên Nguyễn Đức A, Bùi Văn V-Cán bộ điều tra, hình dấu Công an Phường B, Quận T và chữ ký giám định viên Võ Anh T.

- 01 (một) gói niêm phong bên ngoài ghi kí hiệu 1110/19-Q8 (gói 1), chữ ký ghi tên Phạm Trần Phương O, Bùi Văn V-Cán bộ điều tra, hình dấu Công an Phường B, Quận T và chữ ký giám định viên Võ Anh T.

- 03 điện thoại di động gồm: 01 (một) điện thoại di động hiệu Huawei, màu xanh, gắn sim số 0783906903; 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung, màu đen, số Imei: FCC ID: A3LSG9600US và 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo, màu hồng, gắn sim số: 0937544212; của Phạm Trần Phương O, không liên quan đến hành vi phạm tội.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Xiaomi, màu xanh, gắn sim số: 0778210751 và 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, số Imei: 359581/05/958088/2, gắn sim số: 0931409232 của Nguyễn Đức A, không liên quan đến hành vi phạm tội.

- 01 (một) cái bóp da màu đen của Phạm Trần Phương O để cất ma túy.

- 01 (một) cái xô nhựa màu xanh của phòng cho thuê KN (trong phòng 102), A dùng cất ma túy.

- 01 (một) ống thủy tinh dùng sử dụng ma túy của Nguyễn Đức A (do người bán ma túy cho A tặng khi A mua ma túy).

Đối với Nguyễn Thanh Y không liên quan đến số ma túy thu giữ của Nguyễn Đức A và Phạm Trần Phương O, nhưng có hành vi sử dụng ma túy; nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận T giao cho Công an Phường B, Quận T xử lý theo thẩm quyền.

Đối với Nguyễn Thị Tuyết N không liên quan đến số ma túy thu giữ của Nguyễn Đức A và Phạm Trần Phương O, nhưng có hành vi sử dụng ma túy; nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận T giao cho Công an Phường B, Quận T xử lý theo thẩm quyền.

Đối với người đàn ông bán ma túy cho Nguyễn Đức A và người thanh niên tên L đã cho Phạm Trần Phương O gói ma túy để sử dụng, do không xác định được lai lịch, địa chỉ; nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận T không có cơ sở để xử lý.

Đối với hộ kinh doanh phòng trọ KN, qua xác minh được biết do bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1982, hộ khẩu thường trú: số 39 ấp AD, xã AH, huyện TB, tỉnh BT làm chủ và bà H giao quyền quản lý phòng trọ cho cháu ruột là Trần Thị Ngọc K, sinh năm: 1990, hộ khẩu thường trú: số 62, ấp AD, xã AH, huyện TB, tỉnh BT và K không biết việc A cùng Y sử dụng ma túy trong phòng thuê, cũng như không biết việc A và O cất giữ ma túy trong phòng thuê vào ngày 16/5/2019. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận T đã có văn bản đề nghị và chuyển hồ sơ vi phạm của hộ kinh doanh phòng trọ KN đến Đội Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an Quận T xử lý theo thẩm quyền.

Bản cáo trạng số 148/CT-VKS ngày 28/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố các bị cáo: Nguyễn Đức A, Phạm Trần Phương O về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c Khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm c Khoản 1 Điều 249, điểm h Khoản 1 Điều 52, điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử phạt:

- + Bị cáo Nguyễn Đức A mức án từ 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù đến 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù;

- Áp dụng điểm c Khoản 1 Điều 249, điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử phạt:

- + Bị cáo Phạm Trần Phương O mức án từ 02 (Hai) năm đến 03 (Ba) năm tù; tổng hợp hình phạt 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội « Cướp giật tài sản » của bản án mà Tòa án nhân dân Quận 10 xét xử vào ngày 27/11/2019 theo quy định.

- Đồng thời, đề nghị miễn cho các bị cáo phần hình phạt bổ sung (do các bị cáo phạm tội không nhằm mục đích thu lợi bất chính).

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- + Tịch thu tiêu hủy: 02 gói niêm phong chứa ma túy; 01 ống thủy tinh, 01 cái rổ nhựa màu xanh, 01 bóp da màu đen.

- + Đối với các chiếc điện thoại di động thu giữ của hai bị cáo: Đây là tài sản của hai bị cáo và không có liên quan đến vụ án, nên cần trả lại cho hai bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; của Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; của Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo: Nguyễn Đức A, Phạm Trần Phương O đã khai nhận toàn bộ hành vi cất giữ, cất giấu trái phép chất ma túy để sử dụng thì bị lực lượng Công an Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh phát hiện bắt quả tang cùng vật chứng vào lúc 04 giờ 45 phút, ngày 17/5/2019, tại phòng 102, phòng cho thuê KN (số 36 đường L, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Chất ma túy thu giữ của bị cáo Nguyễn Đức A qua giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng là 1,1404g (một phẩy một bốn không bốn gam), loại Methamphetamine.

- Chất ma túy thu giữ của bị cáo Phạm Trần Phương O qua giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng là 1,1772g (một phẩy một bảy bảy hai gam), loại Methamphetamine.

Do đó, đã có đủ cơ sở để kết luận: Các bị cáo: Nguyễn Đức A, Phạm Trần Phương O đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và về nhân thân của các bị cáo:

- Đối với bị cáo Nguyễn Đức A: Trong lần phạm tội này của bị cáo là “Tái phạm”, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nguyễn Đức A theo quy định tại điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Đối với bị cáo Phạm Trần Phương O: Tính đến thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thì bị cáo vẫn chưa được xóa tiền sự về việc bị bắt đưa đi cai nghiện ma túy bắt buộc.

Như vậy, cho thấy cả hai bị cáo đều có quá trình nhân thân xấu, nhưng vẫn không chịu sửa chữa, tu dưỡng, rèn luyện và phấn đấu thành công dân sống có ích cho xã hội mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, thể hiện thái độ xem thường pháp luật; nên cũng cần lưu ý khi quyết định hình phạt đối với từng bị cáo.

[4] Ngoài ra, trong lần xét xử này, bị cáo Phạm Trần Phương O phải bị tổng hợp hình phạt 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” đối với bản án hình sự sơ thẩm số 88/2019/HSST ngày 27/11/2019, của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh; theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về lỗi lầm đã gây ra; để Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho từng bị cáo một phần về hình phạt theo quy định tại điểm s Khoản

1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) mà lẽ ra các bị cáo phải chịu.

[6] Bản cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh đối với các bị cáo là có cơ sở pháp luật, đúng người, đúng tội, mức án mà Kiểm sát viên đề nghị đối với từng bị cáo phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của từng bị cáo, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại Khoản 5 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì các bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Nhưng xét thấy các bị cáo phạm tội không nhằm mục đích thu lợi bất chính, mà chỉ để sử dụng cho bản thân và có hoàn cảnh gia đình khó khăn, khó thi hành; nên Hội đồng xét xử không phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Về vật chứng:

- 02 gói niêm phong gồm: 01 (một) gói niêm phong bên ngoài ghi ký hiệu 1110/19-Q8 (gói 1), chữ ký ghi tên Phạm Trần Phương O, Bùi Văn V – Cán bộ điều tra, hình dấu Công an Phường B, Quận T và chữ ký giám định viên Võ Anh T và 01 (một) gói niêm phong bên ngoài ghi ký hiệu 1110/19-Q8 (gói 2), chữ ký ghi tên Nguyễn Đức A, Bùi Văn V – Cán bộ điều tra, hình dấu Công an Phường B, Quận T và chữ ký giám định viên Võ Anh T; qua giám định bên trong chứa chất ma túy độc hại, cấm tàng trữ, cấm lưu hành; nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) ống thủy tinh sử dụng ma túy, 01 cái bóp da màu đen; đây là dụng cụ dùng vào việc phạm tội và không có giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 cái rổ nhựa màu xanh (là tài sản của hộ kinh doanh phòng trọ KN), nhưng bị cáo A đã dùng vào việc phạm tội; người đại diện hợp pháp của hộ kinh doanh phòng trọ KN không có yêu cầu nhận lại và xét thấy không có giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 05 chiếc điện thoại di động (gồm 03 chiếc điện thoại di động của bị cáo O và 02 chiếc điện thoại di động của bị cáo A): Đây là tài sản của các bị cáo và không có liên quan đến vụ án, nên trả lại cho các bị cáo.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

[10] Đối với Nguyễn Thanh Y và Nguyễn Thị Tuyết N không liên quan đến vụ án, nhưng có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận T bàn giao cho Công an Phường B, Quận T xử lý theo thẩm quyền là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[11] Đối với người đàn ông bán ma túy cho Nguyễn Đức A và người thanh niên tên L cho O gói ma túy để sử dụng, do không xác định được lai lịch, địa chỉ; nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận T không có cơ sở để xử lý.

[12] Đối với bà Nguyễn Thị H (chủ hộ kinh doanh phòng trọ KN) và đối với chị Trần Thị N Hân (là người được bà Nguyễn Thị H giao quyền quản lý phòng trọ KN) không liên quan hành vi phạm tội của bị cáo Thành và O, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận T không xử lý. Tuy nhiên, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận T có

văn bản chuyển hồ sơ vi phạm của hộ kinh doanh phòng trọ KN đến Đội Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an Quận T đề nghị xử lý theo thẩm quyền là có căn cứ pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm c Khoản 1 Điều 249, điểm h Khoản 1 Điều 52, điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

1/ Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đức A 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính kể từ ngày 17/5/2019.

- Căn cứ vào điểm c Khoản 1 Điều 249, điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

2/ Xử phạt: Bị cáo Phạm Trần Phương O 02 (Hai) năm tù, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” theo bản án hình sự sơ thẩm số 88/2019/HS-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh; buộc bị cáo Phạm Trần Phương O phải chấp hành hình phạt tù chung của 02 (hai) bản án là 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày 17/5/2019.

- Về hình phạt bổ sung: Không phạt bổ sung đối với các bị cáo: Nguyễn Đức A, Phạm Trần Phương O.

- Về vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

+ Tịch thu và tiêu hủy: 02 gói niêm phong gồm: 01 (một) gói niêm phong bên ngoài ghi ký hiệu 1110/19-Q8 (gói 1), chữ ký ghi tên Phạm Trần Phương O, Bùi Văn V – Cán bộ điều tra, hình dấu Công an Phường B, Quận T và chữ ký giám định viên Võ Anh T và 01 (một) gói niêm phong bên ngoài ghi ký hiệu 1110/19-Q8 (gói 2), chữ ký ghi tên Nguyễn Đức A, Bùi Văn V – Cán bộ điều tra, hình dấu Công an Phường B, Quận T và chữ ký giám định viên Võ Anh T; 01 (một) ống thủy tinh; 01 (một) cái bóp da màu đen, 01 (một) cái rô nhựa màu xanh.

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Đức A 02 (hai) chiếc điện thoại di động, gồm 01 (một) điện thoại di động hiệu Xiaomi, màu xanh, gắn sim số: 0778210751 và 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, số Imei: 359581/05/958088/2, gắn sim số: 0931409232.

+ Trả lại cho bị cáo Phạm Trần Phương O 03 (ba) chiếc điện thoại di động, gồm: 01 (một) điện thoại di động hiệu Huawei, màu xanh, gắn sim số 0783906903; 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung, màu đen, số Imei: FCC ID: A3LSG9600US và 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo, màu hồng, gắn sim số: 0937544212/

(Vật chứng theo phiếu nhập kho vật chứng số 193/PNK ngày 18/7/2019 của Công an Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo: Nguyễn Đức A, Phạm Trần Phương O; mỗi bị cáo phải chịu số tiền là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt, có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình; trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- PC.53 CA TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THADS Q.8;
- CQĐT CAQ.8;
- CQTHAHS Q.8; NTG CAQ.8;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Trọng Trú